

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN HÀ ĐÔNG  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 936/2023/HNGĐ

Ngày: 29/12/2023

“Về việc: xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tường Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thái, bà Lê Thị Huyền

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Thanh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mai Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 796/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị NTHH**, sinh năm 1979; Hộ khẩu thường trú và trú tại: P407, CT7K, khu đô thị Dương Nội, phường Dương Nội. Có mặt.

- **Bị đơn: Anh NAT**, sinh năm 1963; Hộ khẩu thường trú và trú tại: P407, CT7K, khu đô thị Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Hiện đang chấp hành án tại đội 31 - Trại giam Thanh Xuân. Có đơn xin xét xử vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn, các bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị NTHH trình bày:

1/ Về quan hệ hôn nhân : Chị NTHH và anh NAT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội ngày 09/10/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với

nhau tại khu đô thị Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về lối sống. Hiện nay anh T đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh NAT.

2/ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu NNK, sinh ngày 25/11/2021. Hiện nay cháu đang ở cùng chị H. Nếu được ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Về tài sản chung vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về công nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị H tự nguyện chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai Ngày 12 tháng 12 năm 2023 bị đơn anh NAT trình bày: anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội ngày 09/10/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại khu đô thị Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, lối sống, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H có đơn xin ly hôn. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đồng ý ly hôn. Anh NAT đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị NTHH.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu NNK, sinh ngày 25/11/2021. Hiện nay cháu đang ở cùng mẹ. Cháu K có nguyện vọng được ở cùng với mẹ nên anh cũng đồng ý giao con chung cho chị H chăm sóc và nuôi dưỡng. Đề nghị Tòa tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh và chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: anh và chị H không có công nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa phát biểu

quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng : Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự : Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung : Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội

Về quan hệ hôn nhân : Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị NTHH với anh NAT.

Về con chung : Chấp nhận sự thỏa thuận của chị H, anh T, giao cháu NNK, sinh ngày 25/11/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng : anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về công nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí : Chị NTHH phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

**Về tố tụng:** Chị NTHH và anh NAT có hộ khẩu thường trú và trú tại phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Bị đơn anh NAT xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

**Về nội dung:** Chị NTHH và anh NAT có đăng ký kết hôn tại UBND phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội ngày 09/10/2012 trên cơ sở tự nguyện,

là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, lối sống, không có tiếng nói chung, nay tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh T. Anh T cũng nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, nên không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị NTHH và anh NAT đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng cũng đã có thời gian để hàn gắn tình cảm, tuy nhiên không thành. Nay chị H xin ly hôn, anh T nhất trí. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị NTHH với anh NAT.

**Về con chung:** vợ chồng có 01 con chung là cháu NNK, sinh ngày 25/11/2012, chị H có nguyện vọng nuôi con, anh T đồng ý để chị H nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của chị NTHH và anh NAT, sau khi ly hôn giao cháu NNK, sinh ngày 25/11/2012 cho chị NTHH trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H và anh T đều không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về công nợ chung vợ chồng: Vợ chồng không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

Về án phí: Chị NTHH phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật;

***Vì các lẽ trên!***

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ:** - Khoản 1 Điều 28 Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Xử:**

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị NTHH với anh NAT.

Về con chung : Chấp nhận sự thỏa thuận của chị NTHH với anh NAT : Giao cháu NNK, sinh ngày 25/11/2012 cho chị NTHH trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về

nuôi con. Chấp nhận sự tự nguyện của chị NTHH không yêu cầu anh NAT cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng : Chị NTHH, anh NAT tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

Về công nợ chung vợ chồng : Chị NTHH, anh NAT không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

4. Về án phí : Chị NTHH phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo : Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tưởng Thị Huyền**

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- Chi cục THADS quận Hà Đông;
- UBND phường Xuân La, quận Tây Hồ, TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Tưởng Thị Huyền**



-